TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 9 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quyên và ông Nguyễn Hải Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích T, sinh năm 1990; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 1553, tổ 5, Ấp 2, T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Hà Duy Q, sinh năm 1990; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của chị Trần Thị Bích T, nội dung vụ án như sau:

Chị Trần Thị Bích T và anh Hà Duy Q lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam ngày 29/05/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì mâu thuẫn căng thẳng anh Q nghiện ma túy, không chịu tu chí làm ăn dẫn đến cuộc sống khó

khăn, thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng nhau. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

* Lời khai của anh Hà Duy Q lưu tại hồ sơ: Vợ chồng lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam ngày 29/05/2014. Sau ngày cưới, vợ chồng thuê nhà ở và làm ăn sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tết nguyên đán năm 2016, vợ chồng thống nhất về quê nội ở tỉnh Hà Nam ăn tết và đã mua vé máy bay nhưng sau đó chị T lại tự ý đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Đồng Nai, anh Q đã phải theo về nhà bố mẹ vợ ăn tết và vợ chồng lại quay về Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn. Tháng 2 năm 2017, chị T lại đưa con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Đồng Nai mà không được sự đồng ý của anh Q. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Anh Q cho rằng vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm với nhau nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- Về con chung: Chị T và anh Q đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Gia B, sinh ngày 11/01/2015 và cháu Hà Khả D, sinh ngày 12/9/2016. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị T. Nay chị T và anh Q đều đề nghị xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không tiến hành phiên hòa giải được vì chị T vắng mặt.

* Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Toà án giải quyết ly hôn giữa chị Trần Thị Bích T và anh Hà Duy Q. Về con chung: Chị T và anh Q đều có yêu cầu nuôi cả hai cháu, yêu cầu này của các đương sự là chính đáng, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hà Duy B cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Hà Khả D cho anh Q nuôi dưỡng. Chị T và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

+ Về các vấn đề khác do chị T và anh Q không yêu cầu nên không phải giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Bích T thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, chị Trần Thị Bích T và anh Hà Duy Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Bích T và anh Hà Duy Q là hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng nhau. Từ tháng 2 năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã rạn nứt trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên giải quyết cho ly hôn giữa chị T và anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Gia B, sinh ngày 11/01/2015 và cháu Hà Khả D, sinh ngày 12/9/2016. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị T. Chị T và anh Q đều có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T cho rằng, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh Q biết rõ chị T và các con sống ở Ấp 2, xã T nhưng không đến thăm con và cấp dưỡng nuôi con, tiền thu nhập hàng tháng của chị bình quân 22.000.000đồng, chị T nuôi dưỡng các con rất tốt, học hành tốt. Chị T đi làm thường xuyên về nhà và được cha mẹ hỗ trợ nuôi dưỡng, đưa đón đi học hàng ngày. Anh Q cho rằng, anh có quyền nuôi con, anh có xưởng mộc và tiền thu nhập bình quân mỗi tháng là 12.000.000đồng.

Xét nguyện vọng của chị T và anh Q về việc nuôi con chung là chính đáng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Hà Duy B cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi; giao cháu Hà Khả D cho anh Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Bích T và anh Hà Duy Q.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Gia B, sinh ngày 11/01/2015 cho chị Trần Thị Bích T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi; Giao cháu Hà Khả D, sinh ngày 12/9/2016 cho anh Hà Duy Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Bích T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn)* đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0002407 ngày 24/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai
- UBND thị trấn V;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã kí)

Đinh Thành Nam